TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HS-ST

Ngày: 08/11/2021.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY - TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**.

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa**: Ông Lê Thành Chí – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2021/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 04/6/1992, tại tỉnh T; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1970 và con bà: Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1973. Cùng ngụ tại: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh T; Em ruột có 01 người, sinh năm 2001; Chồng: sống như vợ chồng với Nguyễn Thành G, sinh năm 1990; Con: có 02 người, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; Từ nhỏ đi học đến hết lớp 12 sinh sống cùng gia đình tại ấp B, xã V, huyện G, tỉnh T, đến năm 18 tuổi đi học đại học tại thành phố H; Tiền án: 00; Tiền sự: 00; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/3/2021 đến ngày 12/6/2021; Bị cáo tại ngoại. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2.**Người bị hại**:

Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh T.

3. Người làm chứng:

3.1.**Nguyễn Văn N**, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh T.

3.2.**Bùi Văn V**, sinh năm 1961 (có đơn vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

3.3.**Trần Hữu H**, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

3.4.**Huỳnh Khắc M**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/12/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ nhà trọ thuộc khu phố B, Phường T, thành phố T, tỉnh B đi về huyện G, rồi đi đến nhà nghỉ T thuộc Khu phố A, thị trấn V, huyện G thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo đi xe ôm về nhà cha mẹ ruột mình, tọa lạc ấp B, xã V, huyện G với mục đích mượn tiền, nhưng bị cáo không vào nhà mà đứng ở bên hiên, ngay phòng ngủ của chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1973 (mẹ bị cáo). Bị cáo nghe được chị P nói chuyện điện thoại với em gái bị cáo là không quan tâm, lo lắng cho bị cáo nữa, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của cha, mẹ mình. Đến khoảng 04 giờ 20 phút ngày 23/12/2020, khi cha (Nguyễn Văn N, sinh năm 1970) và mẹ bị cáo đi khỏi nhà, bị cáo đi vào phòng ngủ của chị P tìm tiền,vàng nhưng không thấy, nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô biển số 63B5-510.16 của chị P đang dựng ở nhà trên. Bị cáo lấy đèn cầy, kiềm, kéo cắt kiểng, dao, mỏ lếch, cưa, kéo và kéo cắt chỉ để cắt xích đang khóa xe nhưng không được. Sau đó bị cáo đi vào phòng ngủ của chị P tìm chìa khóa, phát hiện chìa khóa trong gối ôm của chị P, bị cáo lấy chìa khóa mở khóa, dắt xe ra và điều khiển đi về tỉnh B. Đến ngày 27/12/2020, bị cáo về trình diện và giao nộp chiếc xe mô tô trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) con dao bằng kim loại dài 31 cm, lưỡi dài 19 cm, cán bằng gỗ dài 12 cm;

- 01 (một) cái kéo (kéo cắt kiểng) bằng kim loại dài 48 cm, lưỡi dài 22 cm, cán dài 26 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh trắng;

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại dài 21,5 cm, lưỡi dài 12,5 cm, cán dài 09 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đen;

- 01 (một) cái kiềm bằng kim loại dài 16 cm, lưỡi cắt dài 06 cm, cán dài 10 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đỏ;

- 01 (một) cái cưa bằng kim loại dài 39 cm, lưỡi cưa dài 29,5 cm, cán dài 9,5 cm;

- 01 (một) thanh kim loại (mỏ lếch) dài 25,5 cm, trên thân có dòng chữ "FORGED STEEL";

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại (kéo cắt chỉ) dài 10,5 cm, kéo bị gãy một phần lưỡi, phần cán dài 07 cm và bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh;

- 01 (một) cây đèn cầy (nến) màu đỏ dài 18,5 cm, đường kính phần thân rộng 1,7 cm.

- 01 (một) đôi dép màu đen, có dòng chữ "HERMES PARIS";

- 01 (một) sợi dây khóa (khóa vòng) dài 81 cm.

- 01(một) xe mô tô hai bánh biển số 63B5-510.16, nhãn hiệu Honda, loại SH mode, số máy JF87E5251128, số khung RLHJF516LZ029364; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B5-510.16 số 043524 và 02 (hai) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ mô tô xe máy Công ty cổ phần bảo hiểm Sài Gòn-Hà Nội, số AA20/2382642 và số AA20/2382643. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu P.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 111/KL-HĐĐGTTHS ngày 29/12/2020 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện G, kết luận chiếc xe mô tô trên tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 64.350.000 đồng. Một cái áo mưa đã qua sử dụng do chưa thu hồi được nên theo điểm d khoản 2 Điều 17 Nghị định 30/2018/NĐ-CP Hội đồng không định giá tài sản này.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSGCT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội "Trộm cắp tài sản", đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị:

-Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T giám sát, giáo dục.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (một) con dao bằng kim loại dài 31 cm, lưỡi dài 19 cm, cán bằng gỗ dài 12 cm;

- 01 (một) cái kéo (kéo cắt kiểng) bằng kim loại dài 48 cm, lưỡi dài 22 cm, cán dài 26 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh trắng;

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại dài 21,5 cm, lưỡi dài 12,5 cm, cán dài 09 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đen;

- 01 (một) cái kiềm bằng kim loại dài 16 cm, lưỡi cắt dài 06 cm, cán dài 10 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đỏ;

- 01 (một) cái cưa bằng kim loại dài 39 cm, lưỡi cưa dài 29,5 cm, cán dài 9,5 cm;

- 01 (một) thanh kim loại (mỏ lếch) dài 25,5 cm, trên thân có dòng chữ "FORGED STEEL";

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại (kéo cắt chỉ) dài 10,5 cm, kéo bị gãy một phần lưỡi, phần cán dài 07 cm và bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh;

- 01 (một) cây đèn cầy (nến) màu đỏ dài 18,5 cm, đường kính phần thân rộng 1,7 cm.

- 01 (một) đôi dép màu đen, có dòng chữ "HERMES PARIS";

- 01 (một) sợi dây khóa (khóa vòng) dài 81 cm.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

- Về án phí: áp dụng Điều 136 BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là đúng như trong bản cáo trạng đã công bố. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đúng tội, không oan sai.

Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận với lỗi lầm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 22/12/2020, bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ nhà trọ thuộc khu phố B, Phường T, thành phố T, tỉnh B đi về huyện G, rồi đi đến nhà nghỉ T thuộc Khu phố A, thị trấn V, huyện G thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, bị cáo đi xe ôm về nhà cha mẹ ruột mình, tọa lạc ấp B, xã V, huyện G với mục đích mượn tiền, nhưng bị cáo không vào nhà mà đứng ở bên hiên, ngay phòng ngủ của chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1973 (mẹ bị cáo). Bị cáo nghe được chị P nói chuyện điện thoại với em gái bị cáo là không quan tâm, lo lắng cho bị cáo nữa, nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của cha, mẹ mình. Đến khoảng 04 giờ 20 phút ngày 23/12/2020, khi cha (Nguyễn Văn N, sinh năm 1970) và mẹ bị cáo đi khỏi nhà, bị cáo đi vào phòng ngủ của chị P tìm tiền,vàng nhưng không thấy, nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô biển số 63B5-510.16 của chị P đang dựng ở nhà trên. Bị cáo lấy đèn cầy, kiềm, kéo cắt kiểng, dao, mỏ lếch, cưa, kéo và kéo cắt chỉ để cắt xích đang khóa xe nhưng không được. Sau đó bị cáo đi vào phòng ngủ của chị P tìm chìa khóa, phát hiện chìa khóa trong gối ôm của chị P, bị cáo lấy chìa khóa mở khóa, dắt xe ra và điều khiển đi về tỉnh B. Đến ngày 27/12/2020, bị cáo về trình diện và giao nộp chiếc xe mô tô trên. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Do đó đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ hành vi trên không những xâm phạm trực tiếp đến

tài sản của bị hại mà còn làm mất an toàn, trật tự xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự, mục đích bị cáo trộm là do hoàn cảnh khó khăn; bị cáo lấy trộm khi đang túng quẫn về tiền bạc; chồng của bị cáo hiện nay không còn sống chung với bị cáo; không rõ địa chỉ của chồng bị cáo ở đâu; một mình bị cáo phải nuôi hai con, một người con sinh năm 2014; một người con sinh năm 2015; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[7] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (một) con dao bằng kim loại dài 31 cm, lưỡi dài 19 cm, cán bằng gỗ dài 12 cm;

- 01 (một) cái kéo (kéo cắt kiểng) bằng kim loại dài 48 cm, lưỡi dài 22 cm, cán dài 26 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh trắng;

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại dài 21,5 cm, lưỡi dài 12,5 cm, cán dài 09 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đen;

- 01 (một) cái kiềm bằng kim loại dài 16 cm, lưỡi cắt dài 06 cm, cán dài 10 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đỏ;

- 01 (một) cái cưa bằng kim loại dài 39 cm, lưỡi cưa dài 29,5 cm, cán dài 9,5 cm;

- 01 (một) thanh kim loại (mỏ lếch) dài 25,5 cm, trên thân có dòng chữ "FORGED STEEL";

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại (kéo cắt chỉ) dài 10,5 cm, kéo bị gãy một phần lưỡi, phần cán dài 07 cm và bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh;

- 01 (một) cây đèn cầy (nến) màu đỏ dài 18,5 cm, đường kính phần thân rộng 1,7 cm.

- 01 (một) đôi dép màu đen, có dòng chữ "HERMES PARIS";

- 01 (một) sợi dây khóa (khóa vòng) dài 81 cm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về phần trình bày của kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo,thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

2.Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (một) con dao bằng kim loại dài 31 cm, lưỡi dài 19 cm, cán bằng gỗ dài 12 cm;

- 01 (một) cái kéo (kéo cắt kiểng) bằng kim loại dài 48 cm, lưỡi dài 22 cm, cán dài 26 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh trắng;

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại dài 21,5 cm, lưỡi dài 12,5 cm, cán dài 09 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đen;

- 01 (một) cái kiềm bằng kim loại dài 16 cm, lưỡi cắt dài 06 cm, cán dài 10 cm, bên ngoài bọc bằng nhựa có màu đỏ;

- 01 (một) cái cưa bằng kim loại dài 39 cm, lưỡi cưa dài 29,5 cm, cán dài 9,5 cm;

- 01 (một) thanh kim loại (mỏ lếch) dài 25,5 cm, trên thân có dòng chữ "FORGED STEEL";

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại (kéo cắt chỉ) dài 10,5 cm, kéo bị gãy một phần lưỡi, phần cán dài 07 cm và bên ngoài bọc bằng nhựa có màu xanh;

- 01 (một) cây đèn cầy (nến) màu đỏ dài 18,5 cm, đường kính phần thân rộng 1,7 cm.

- 01 (một) đôi dép màu đen, có dòng chữ "HERMES PARIS";

- 01 (một) sợi dây khóa (khóa vòng) dài 81 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2021)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo T, người bị hại chị P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan CSĐT – Công an huyện Gò Công Tây;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;

- UBND xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, tỉnh TG;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS, AV.

Đặng Thị Thanh Trinh

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CA tỉnh TG;
- Bộ phận thi hành án phạt tù;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vân